TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST
Ngày: 22-3-2018
V/v: Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long

Bà Nguyễn Thị Trúc

- Thư ký phiên tòa: Ô Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp dân sự theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn V - Sinh năm 1968
Trú tại: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn L - Sinh năm 1972
Trú tại: Thôn7 , xã A, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt ông V, ông L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2017, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn V trình bày:

Năm 2015, ông và ông L đã trao đổi và thống nhất thỏa thuận miệng với nhau về đầu tư trồng ớt: Ông đầu tư cây ớt giống, phân và thuốc bảo vệ thực vật cho ông L. Ông L có trách nhiệm giao cho các hộ dân có nhu cầu trồng ớt trên địa bàn huyện T. Khi có sản phẩm (ớt quả), ông L cân ớt và nhập cho ông V thì mới trừ tiền đầu tư ban đầu. Ông đã đầu tư cây ớt giống, phân và thuốc bảo vệ thực vật cho ông L thấp hơn giá trị trường, còn ông L báo giá với các hộ dân thế nào ông không biết, cụ thể:

Phân con lười: 5.650kg x 14.000đ = 79.100.000đ
Cây giống: 151.800 cây x 350đ = 53.130.000đ
Tiền hạt giống ớt: 0,6kg (6 lạng) x 4.000.000đ = 24.000.000đ
Tiền thuốc sâu: 14.058.000đ
Tổng cộng: 170.288.000đ.

Từ ngày 02/12/2015 (Âm lịch) tức là ngày 11/01/2016 đến ngày 08/5/2016, ông L đã thu gom ớt quả từ các hộ dân nhập cho ông được 3.986kg tính thành tiền: 48.955.000đ. Ông đã trả 12.500.000đ còn lại: 36.455.000đ trừ vào tiền đầu tư ban đầu 170.288.000đ – 36.455.000đ = 133.833.000đ. Sau đó ông L không nhập ớt cho ông nữa mà ông L và các hộ dân bán ra bên ngoài với giá cao hơn dẫn đến ông không thu được vốn đầu tư, ảnh hưởng đến việc sản xuất, kinh doanh của ông.

Ngày 09/7/2016, hai bên thống nhất chốt nợ. Ông đã trừ tiền công cho ông L bằng giá tính phân 13,500đ/kg, giảm 500đ/kg x 5.650kg = 2.825.000đ và không lấy tiền hạt giống: 24.000.000đ, tổng cộng : 26.825.000đ. Ông L còn nợ lại là 107.008.000đ (133.833.000đ - 26.825.000đ) có giấy nhận nợ do ông L ký. Nay ông yêu cầu ông L phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền 107.008.000đ .

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 12 năm 2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là ông Lê Văn L trình bày: Năm 2015-2016, ông V đầu tư cây ớt giống, phân và thuốc bảo vệ thực vật cho các hộ dân như ông V trình bày là đúng. Ông trực tiếp nhận đầu tư của ông V sau đó giao cho các hộ dân và được ông ghi vào sổ sách theo dõi. Ông báo giá với các hộ dân bằng giá ông V giao. Nếu ớt được mùa thì ông V cho ông đồng nào thì cho chứ ông không có mục đích bán giá cao để thu lợi nhuận. Ông đã thu gom ớt quả từ các hộ dân nhập cho ông V được 3.986kg tính thành tiền: 48.955.000đ. Ông V trả 12.500.000đ còn lại: 36.455.000đ ông V chưa trả. Do ông V mua ớt thấp hơn giá thị trường nên các hộ dân đã bán ớt cho người khác.

Ngày 09/7/2016, ông ký giấy còn nợ lại là 107.008.000đ. Trong số nợ này gia đình ông còn nợ: 21.710.000đ ông sẽ có trách nhiệm trả cho ông V trong năm nay, số nợ còn lại ông V phải đi đòi của các hộ dân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Xuất phát từ thỏa thuận đầu tư trồng ớt giữa ông V và ông L, hai bên đã thống nhất viết giấy nhận nợ chốt số tiền ông L còn nợ ông V 107.008.000đ. Ông V có quyền khởi kiện ông Lân thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 BLDS năm 2015. Ông L có hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện T nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Quá trình giải quyết vụ án ông V và ông L đều thống nhất với nhau về thỏa thuận đầu tư trồng và thu hoạch ớt như sau: Ông V đầu tư cây giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cho ông L. Ông L nhận và có trách nhiệm giao cho các hộ dân có nhu cầu trồng ớt ở các xã trên địa bàn huyện T. Đến mùa thu hoạch ông L nhận ớt và nhập cho ông V khi đó mới trừ tiền đầu tư ban đầu. Giao dịch dân sự này không thuộc trường hợp pháp luật cấm nên có hiệu lực pháp luật.

Thực hiện thỏa thuận trên, trong năm 2015-2016, ông V đã giao cho ông L gồm: Phân con lười 79.100.000đ, cây ớt giống: 53.130.000đ, hạt ớt giống: 24.000.000đ, thuốc sâu: 14.058.000đ, tổng cộng: 170.288.000đ.

Ông L giao phân, cây ớt giống, thuốc sâu cho các hộ dân có nhu cầu trồng ớt. Đến mùa thu hoạch ớt, ông L đã thu gom ớt quả từ các hộ dân nhập cho ông được

3.986kg tính thành tiền: 48.955.000đ. Ông V trả 12.500.000đ còn lại: 36.455.000đ ông V trừ vào tiền đầu tư ban đầu 170.288.000đ – 36.455.000đ = 133.833.000đ. Ông V đã trừ tiền công cho ông Lân bằng giá tính phân 13,500đ/kg, giảm 500đ/kg x 5.650kg = 2.825.000đ và không lấy tiền hạt giống: 24.000.000đ, tổng cộng: 26.825.000đ:

133.833.000đ - 26.825.000đ = 107.008.000đ

Ngày 09/7/2016, ông L ký giấy nhận nợ ông Vượng số tiền 107.008.000đ.

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông L xác nhận tiền nợ ông V 107.008.000đ là đúng thực tế nhưng ông chỉ nợ : 21.710.000đ và ông sẽ trả cho ông V, số nợ còn lại ông V phải đi đòi của các hộ dân.

Xét trách nhiệm trả nợ: Ông L là người trực tiếp nhận đầu tư phân, cây ớt giống, thuốc sâu của ông V và có trách nhiệm giao cho các hộ dân, thu gom ớt quả nhập cho ông V để trừ tiền đầu tư ban đầu nhưng sau khi nhập cho ông V 3.986kg ớt thì ông L không nhập ớt cho ông V nữa mà ông và các hộ dân bán ớt ra bên ngoài với giá cao hơn là vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận, không hoàn trả lại số tiền đầu tư ban đầu cho ông V. Vì vậy, ông L phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 107.008.000đ cho ông V. Đối với số tiền các dân còn nợ lại, ông L có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác yêu cầu các hộ dân thanh toán số nợ đó cho mình theo quy định của pháp luật. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông L phải thanh toán cho ông V số tiền 107.008.000đ.

[3] Về án phí: Yêu cầu của ông V được chấp nhận nên ông không phải chịu án phí, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho ông V. Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 116, 117, khoản 1 Điều 119, 280 và 357 BLDS năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V: Buộc ông Lê Văn L phải thanh toán cho ông V số tiền 107.008.000đ (Một trăm linh bảy triệu, không trăm không chục tám nghìn đồng).

Kể từ ngày ông V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L không nộp tiền thi hành án hoặc nộp không đầy đủ thì ông L còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền chậm trả theo Điều 357 của Bộ Luật dân sự.

2. Về án phí: Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 5.350.000đ.

Ông V được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.677.000đ tại biên lai số 00001025 ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

Trường hợp bản án theo được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu